

NEUTRIVIT 5000

Thành phần:

Lọ bột đông khô pha tiêm chứa:

Vitamin B1	50 mg
Vitamin B6	250 mg
Vitamin B12	5000 mcg

Ống dung môi:

Natri acetat	36,2 mg
Benzylic alcohol.....	50 mg
Acid acetic, nước cất vđ.....	5 ml

Dạng bào chế: Bột đông khô pha tiêm

Quy cách đóng gói: Hộp 4 lọ + 4 ống dung môi 5 ml.

Chỉ định: NEUTRIVIT 5000 được dùng trong các trường hợp sau:

- Điều trị các bệnh thiếu hụt vitamin nhóm B do dinh dưỡng, dùng thuốc.
- Hội chứng Wernicke và hội chứng Korsakoff.
- Viêm đa dây thần kinh do rượu.
- Thiếu máu ác tính tự phát, hoặc sau khi cắt dạ dày.

Chống chỉ định:

- Mẫn cảm với một trong các thành phần của thuốc.
- Phối hợp với Levodopa.
- Tiền sử dị ứng với cobalamin.
- U ác tính, do Vitamin B12 làm tăng trưởng các mô có tốc độ sinh trưởng cao, nên có nguy cơ làm u tiến triển.

Không dùng cyanocobalamin điều trị bệnh Leber's hoặc giảm thị lực do hút thuốc lá.

Tương tác thuốc: Không dùng chung với Levodopa (Vitamin B6 làm giảm tác động của Levodopa do kích thích dopadecarboxylase ngoại biên).

Thận trọng:

- Chỉ dùng thuốc đường tiêm bắp thịt.
- Nếu có bất kỳ triệu chứng dị ứng với Vitamin B1, cần phải ngưng thuốc và nghiêm cấm cho dùng thuốc trở lại sau đó bằng đường tiêm chích.
- Tránh dùng cho những bệnh nhân có cơ địa dị ứng (suyễn, chàm).
- Dùng Vitamin B6 liều cao và kéo dài 30 ngày có thể gây hội chứng lệ thuộc Pyridoxin và có thể thấy biểu hiện độc tính thần kinh.

Phụ nữ có thai và cho con bú:

Thời kỳ mang thai: Liều bổ sung theo nhu cầu hàng ngày không gây hại cho

thai nhi, nhưng với liều cao có thể gây hội chứng lệ thuộc thuốc ở trẻ sơ sinh.
Thời kỳ cho con bú: Không gây ảnh hưởng gì khi dùng theo nhu cầu hàng ngày.

Tác động của thuốc khi lái xe và vận hành máy:

Sử dụng an toàn khi lái xe và vận hành máy.

Tác dụng không mong muốn:

- Phản ứng phản vệ: Ngứa, nổi mề đay, phát ban, sốc.
- Nguy cơ gây nổi mụn trứng cá.
- Nước tiểu có màu đỏ (do có Vitamin B12).
- Trường hợp không dung nạp Vitamin B1: nôn, cứng cơ, các biểu hiện mẩn ngứa trên da, tụt huyết áp (chủ yếu là khi dùng tiêm tĩnh mạch).
- Dùng Pyridoxin với liều 200 mg/ngày và dài ngày (trên 2 tháng) có thể gây bệnh thần kinh ngoại vi nặng.
- Trong trường hợp bị sốc, hướng điều trị bao gồm: adrenalin, corticoide dạng tiêm, acid Epsilon aminocaproic.

Thông báo cho Bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

Cách dùng và liều dùng:

- Không tiêm thuốc này qua đường tĩnh mạch.
- Chỉ dùng đường tiêm bắp thịt.
- Dùng cho người lớn:
 - + Hội chứng đau nhức liên quan đến thần kinh, thiếu máu: 1 - 2 lọ/ngày.
 - + Viêm đa dây thần kinh do nghiện rượu mãn tính: 2 lọ/ngày.

Sử dụng quá liều:

Không được sử dụng quá liều chỉ định.

Hạn dùng: 36 tháng (kể từ ngày sản xuất).

Bảo quản: Nơi mát, nhiệt độ < 30°C, kín, tránh ánh sáng.

Để xa tầm tay trẻ em

***Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng
Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến Bác sĩ***

Sản xuất tại:

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH
(BIDIPHAR)**

Số 498 Nguyễn Thái Học, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn,
Tỉnh Bình Định, Việt Nam

ĐT: 0256. 3846020 * FAX: 0256. 3846846

64/1015



Hộp 4 lọ thuốc tiêm đông khô + 4 ống dung môi 5ml

NEUTRIVIT 5000

3 VITAMIN: B1, B6, B12

CÔNG TY CPDP BIDIPHAR 1
 Bidiphar 498 Nguyễn Thái Học - Quy Nhơn - Bình Định - Việt Nam
ĐẠT CHỨNG NHẬN GMP - WHO * ISO 9001:2008



5ml
Dung môi pha tiêm

NEUTRIVIT 5000

Natri acetat 36,2 mg
 Benzylc alcohol 50 mg
 Nước cất pha tiêm vô 5 ml

TB

Số lô SX: HD
CÔNG TY CPDP BIDIPHAR 1

Rx Thuốc bán theo đơn

NEUTRIVIT 5000

Thành phần:
Mỗi lọ bột đông khô chứa:
 - Vitamin B₁Thiamin hydrochlorid 50 mg
 - Vitamin B₆Pyridoxin hydrochlorid 250 mg
 - Vitamin B₁₂Cyanocobalamin 5000 mcg

Mỗi ống dung môi chứa:
 - Natri acetat 36,2 mg
 - Benzylc alcohol 50 mg
 - Nước cất pha tiêm vô khuẩn 5 ml

Bảo quản: Nơi mát, nhiệt độ < 30°C, tránh ánh sáng, kín.

NEUTRIVIT 5000

**INJECTION 1M
 LYOPHILIZED POWDER**

NEUTRIVIT 5000

Chỉ định:
 Neutrivit 5000 được dùng trong các trường hợp sau:
 - Điều trị các bệnh thiếu hụt vitamin nhóm B do dinh dưỡng, dùng thuốc.
 - Hội chứng Wernicke và hội chứng Korsakoff.
 - Viêm viêm da dây thần kinh do rượu.
 - Thiếu máu do thiếu hụt sắt, hoặc sau khi cắt dạ dày.

Chống chỉ định:
 - Tiền sử dị ứng với cobalamin.
 - Dùng với các thành phần của thuốc.
 - Liều lớn do Vitamin B12 có tác động kích thích sự sinh sản của các tế bào trong mô, cần phải xem xét nguy cơ làm phát triển các khối u ác tính.

Cách dùng và liều dùng:
 - Không tiêm thuốc này qua đường tĩnh mạch.
 - Chỉ dùng đường tiêm bắp thịt.
 - Dùng chung với:

- Hội chứng đau nhức liên quan đến thần kinh, thiếu máu 1 - 2 lít/ngày.
 - Viêm da dây thần kinh do nghiện rượu mãn tính 2 lít/ngày.

Tác dụng không mong muốn:
 - Phản ứng phản vệ, ngứa, nổi mề đay, phát ban, sốc.
 - Ngứa tay gây nổi mụn trứng cá.
 - Huyết tiểu cầu thấp do (liều cao Vitamin B12).
 - Trường hợp không dung nạp Vitamin B1: nôn, sưng cổ, các biểu hiện miễn dịch trên da, tụt huyết áp (chỉ xảy ra khi dùng tiêm tĩnh mạch).
 - Dùng Pyridoxin với liều 200mg/ngày và dài ngày (trên 2 tháng) có thể gây bệnh thần kinh ngoại vi nặng.
 - Trong trường hợp bị sốc, hướng điều trị bao gồm: adrenalin, corticoid dạng tiêm, acid Epinephrin aminocapric.
 Các thành phần khác:
 Xem kỹ hướng dẫn sử dụng bên trong hộp.

NEUTRIVIT 5000

SDK :
 Số lô SX :
 Ngày SX :
 HD :

**ĐỂ XA TÂM TAY CỦA TRẺ EM
 ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG
 TRƯỚC KHI DÙNG**

BỘ Y TẾ
 CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
 ĐÀ PHÈ DUYỆT

Lần đầu: *12/11/2013*

Ngày 04 tháng 11 năm 2013

CÔNG TY CPDP BIDIPHAR 1

**THỦ QUẢN ĐỐC
 HỒ GIÁM ĐỐC**

Bà Thị Ngọc Quỳnh

TỜ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

NEUTRIVIT 5000

Thành phần:

Lọ bột đồng khô chứa:

Vitamin B1	50 mg
Vitamin B6.....	250 mg
Cyanocobalamin	5000 mcg

Ống dung môi:

Natri acetat	36,2 mg
Benzyllic alcohol	50 mg
Acid acetic, nước cất vđ	5 ml

Dạng bào chế: Thuốc tiêm bột đồng khô

Quy cách đóng gói:

Hộp 4 lọ + 4 ống dung môi 5ml

Chỉ định: Neutrivit 5000 được dùng trong các trường hợp sau:

- Điều trị các bệnh thiếu hụt vitamin nhóm B do dinh dưỡng, dùng thuốc.
- Hội chứng Wernicke và hội chứng Korsakoff.
- Viêm viêm đa dây thần kinh do rượu.
- Thiếu máu ác tính tự phát, hoặc sau khi cắt dạ dày.

Chống chỉ định:

- Mẫn cảm với một trong các thành phần của thuốc.
- Phối hợp với Levodopa.
- Tiền sử dị ứng với cobalamin.
- U ác tính, do Vitamin B12 làm tăng trưởng các mô có tốc độ sinh trưởng cao, nên có nguy cơ làm u tiến triển.

Không dùng cyanocobalamin điều trị bệnh Leber's hoặc giảm thị lực do hút thuốc lá.

Tương tác thuốc: Không dùng chung với Levodopa (Vitamin B6 làm giảm tác động của Levodopa do kích thích dopadecarboxylase ngoại biên).

Thận trọng:

- Chỉ dùng thuốc đường tiêm bắp thịt.
- Nếu có bất kỳ triệu chứng dị ứng với Vitamin B1, cần phải ngưng thuốc và nghiêm cấm cho dùng thuốc trở lại sau đó bằng đường tiêm chích.
- Tránh dùng cho những bệnh nhân có cơ địa dị ứng (suyễn, chàm).
- Dùng Vitamin B6 liều cao và kéo dài 30 ngày có thể gây hội chứng lệ thuộc Pyridoxin và có thể thấy biểu hiện độc tính thần kinh.

Phụ nữ có thai và cho con bú:

Thời kỳ mang thai: Liều bổ sung theo nhu cầu hàng ngày không gây hại cho thai nhi, nhưng với liều cao có thể gây hội chứng lệ thuộc thuốc ở trẻ sơ sinh.

Thời kỳ cho con bú: Không gây ảnh hưởng gì khi dùng theo nhu cầu hàng ngày.

Tác động của thuốc khi lái xe và vận hành máy: Sử dụng an toàn khi lái xe và vận hành máy.

Tác dụng không mong muốn:

- Phản ứng phản vệ: Ngứa, nổi mề đay, phát ban, sốc.

- Nguy cơ gây nổi mụn trứng cá.
- Nước tiểu có màu đỏ (do có Vitamin B12).
- Trường hợp không dung nạp Vitamin B1: nôn, cứng cơ, các biểu hiện mẫn ngứa trên da, tụt huyết áp (chủ yếu là khi dùng tiêm tĩnh mạch).
- Dùng Pyridoxin với liều 200mg/ngày và dài ngày (trên 2 tháng) có thể gây bệnh thần kinh ngoại vi nặng.
- Trong trường hợp bị sốc, hướng điều trị bao gồm: adrenalin, corticoide dạng tiêm, acid Epsilon aminocaproic.

Thông báo cho Bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

Cách dùng và liều dùng:

- Không tiêm thuốc này qua đường tĩnh mạch.
- Chỉ dùng đường tiêm bắp thịt.
- Dùng cho người lớn:
 - Hội chứng đau nhức liên quan đến thần kinh, thiếu máu: 1 - 2 lọ/ngày.
 - Viêm đa dây thần kinh do nghiện rượu mãn tính: 2 lọ/ngày.

Sử dụng quá liều: Không được sử dụng quá liều chỉ định.

Hạn dùng: 36 tháng (kể từ ngày sản xuất).

Bảo quản: Nơi mát, nhiệt độ < 30°C, kín, tránh ánh sáng.

Để xa tầm tay của trẻ em

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến Bác sĩ

Sản xuất tại:

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM
BIDIPHAR 1**

498 Nguyễn Thái Học, Quy Nhơn, Bình Định

ĐT: 056.3846020 * FAX: 056.3846846



PHÓ CỤC TRƯỞNG
Nguyễn Việt Hùng



Thanh Thị Ngọc Quỳnh